

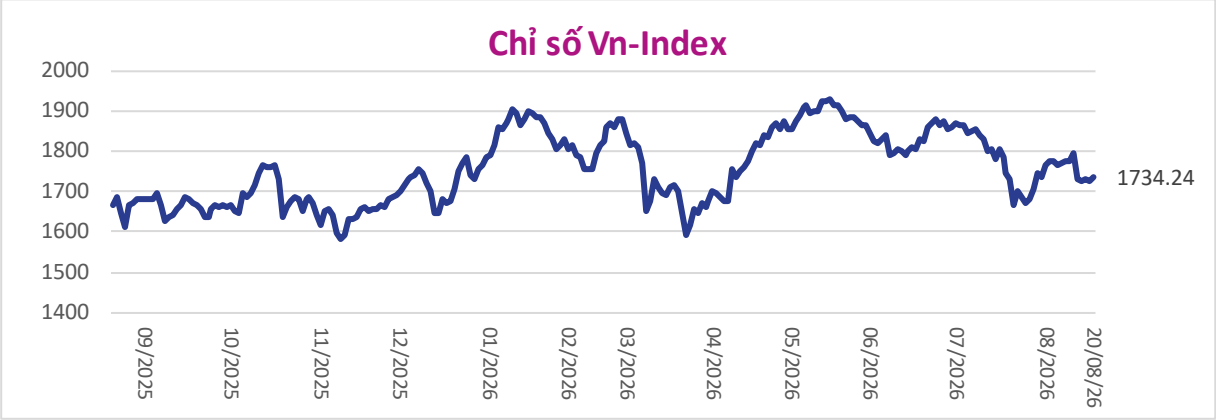
TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

CUỐI NGÀY



Tổng quan thị trường

1734.24 7.55 0.44%

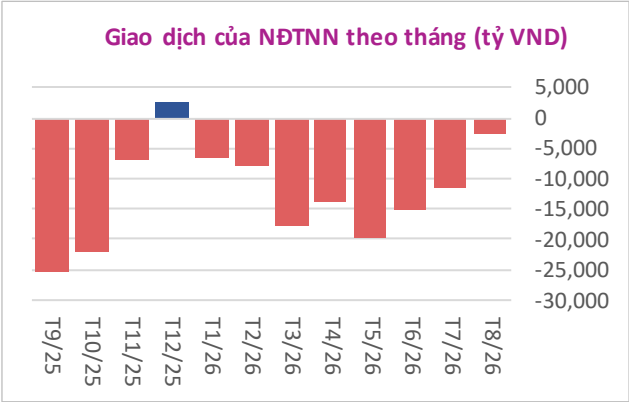
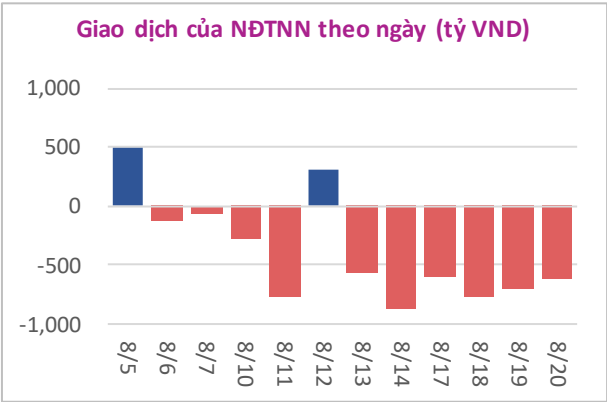


Kết thúc phiên giao dịch ngày 20/08/2026, chỉ số Vn-Index đóng cửa ở mức 1734,24 điểm. So với phiên giao dịch ngày hôm trước, Vn-Index tăng 7,55 điểm, nhưng vẫn đang vận động dưới đường trung bình 10 ngày. Thanh khoản của thị trường giảm so với phiên giao dịch trước, đồng thời khối lượng giao dịch cũng thấp hơn so với trung bình 20 ngày gần đây. Trong số các mã cổ phiếu trụ có vốn hoá lớn nhất trong Vn-Index, một số mã cổ phiếu đang có mức tăng giá mạnh là: FPT(+1,3%), CTG(+1,3%), VNM(+1,4%), MBB(+1,8%).

Trong tháng 8/2026, khối ngoại tiếp tục đà bán ròng cổ phiếu với tổng giá trị là -2.607 tỷ đồng. Lũy kế từ đầu năm 2026 đến nay, khối ngoại đã bán ròng với tổng giá trị là -94.830 tỷ đồng. Trong phiên giao dịch ngày 20/08, khối ngoại đã tiếp tục bán ròng -617 tỷ đồng.

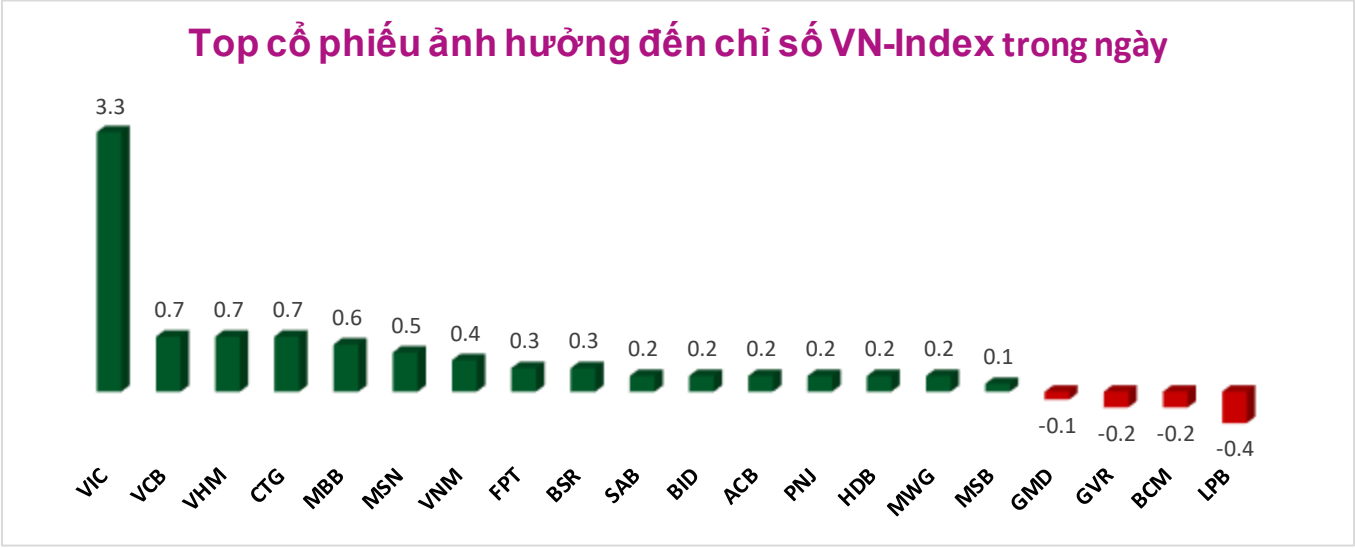
Trên thị trường mở hôm nay, NHNN đã bơm 1.224 tỷ đồng. Như vậy, chính sách điều hành của NHNN đang theo hướng linh hoạt với những phiên đảo chiều liên tục giữa bơm và hút ròng trong những ngày gần đây

Giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài



TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

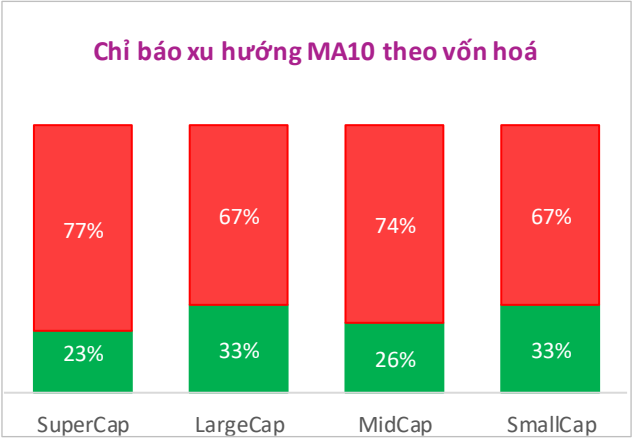
Nhóm dẫn dắt thị trường



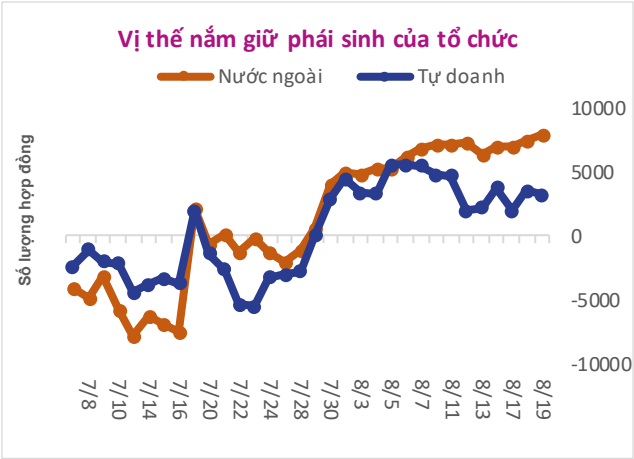
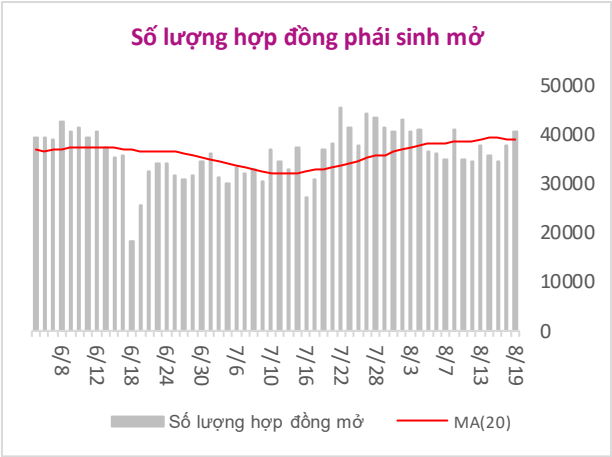
Chỉ báo xu hướng ngắn hạn

Chỉ báo xu hướng MA10 theo ngành

Ngân hàng ↓	Bất động sản ↓	Chứng khoán ↓
Thép ↓	Phân bón ↓	Công nghệ ↓
Dầu khí ↑	Khu CN ↓	Thủy sản ↓
Bảo hiểm ↓	Xây dựng ↓	Cảng biển ↓
Mía đường ↑	Bán lẻ ↓	Dệt may ↓



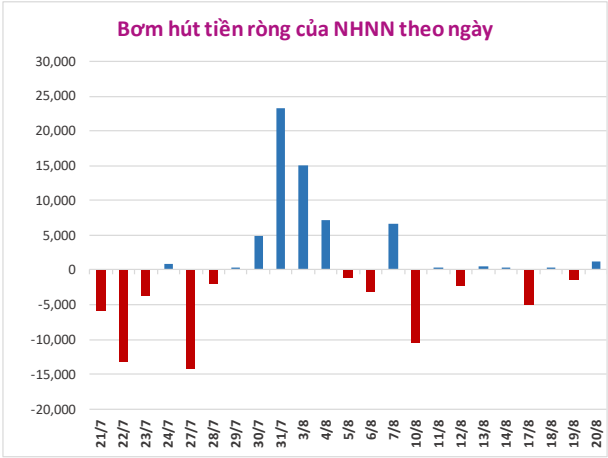
Thị trường phái sinh VN30



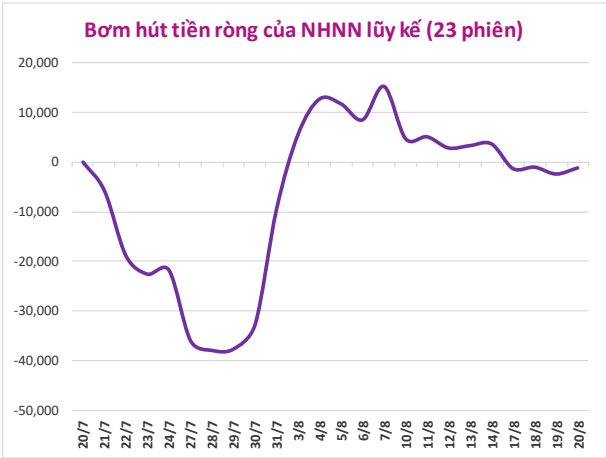
Ghi chú: số âm = hợp đồng short phái sinh

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Bơm hút tiền ròng của NHNN theo ngày



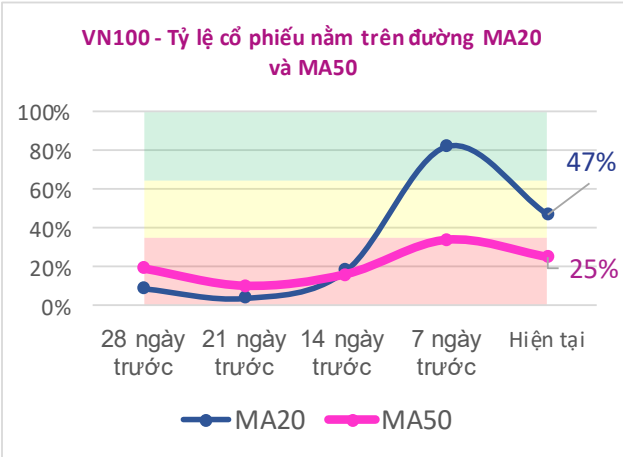
Bơm hút tiền ròng của NHNN lũy kế (23 phiên)



Các mã cổ phiếu ảnh hưởng đến VnIndex 5 ngày gần nhất

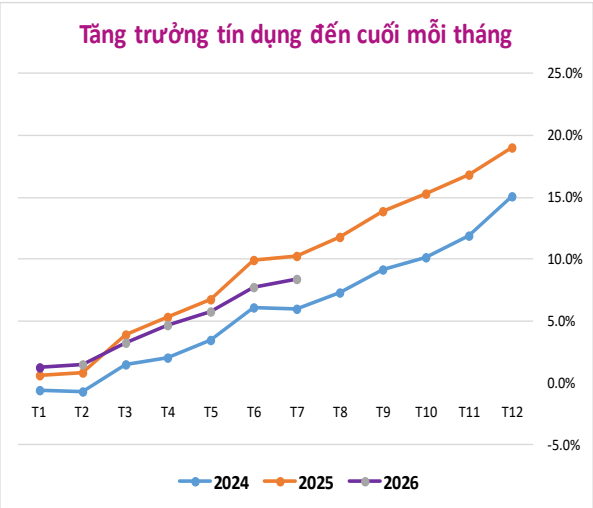
GAS (+7.0)	VPI (+3.5)	PLX (+3.2)	VNM (+3.0)	PNJ (+2.5)
GMD (-1.9)	VJC (-1.9)	VHC (-2.0)	BWE (-2.0)	SIP (-2.0)
VCB (-2.1)	FRT (-2.3)	VPL (-2.5)	VHM (-2.9)	DGC (-3.1)
LPB (-4.7)	BCM (-6.1)	BMP (-7.2)	VIC (-7.3)	GEE (-8.1)

Tỷ lệ cổ phiếu nằm trên đường MA20 và MA50

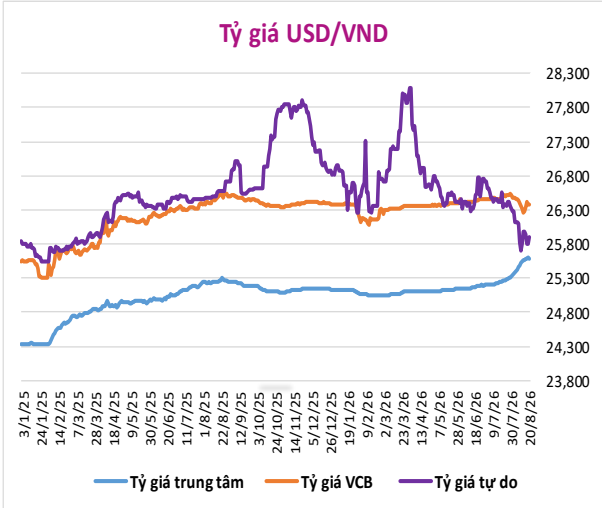


Tăng trưởng tín dụng và tỷ giá

Tăng trưởng tín dụng đến cuối mỗi tháng



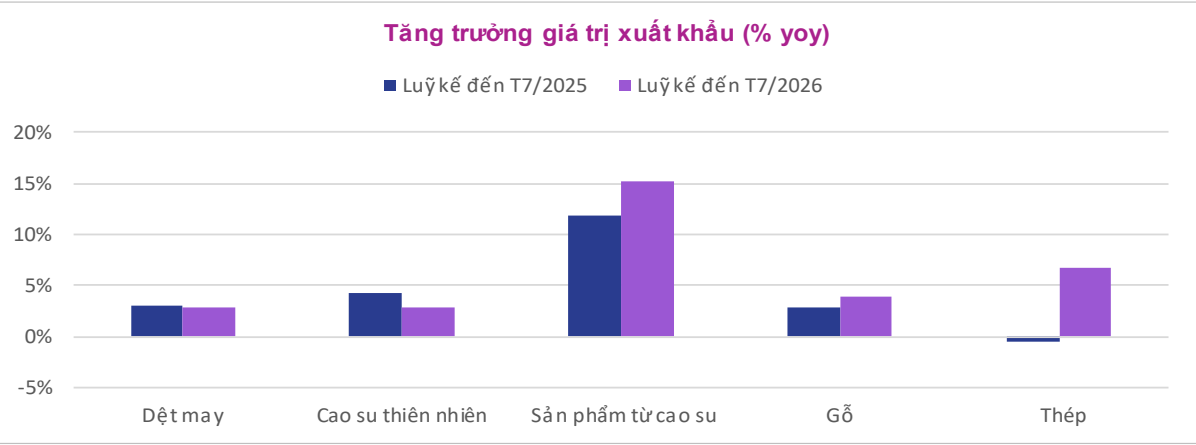
Tỷ giá USD/VND



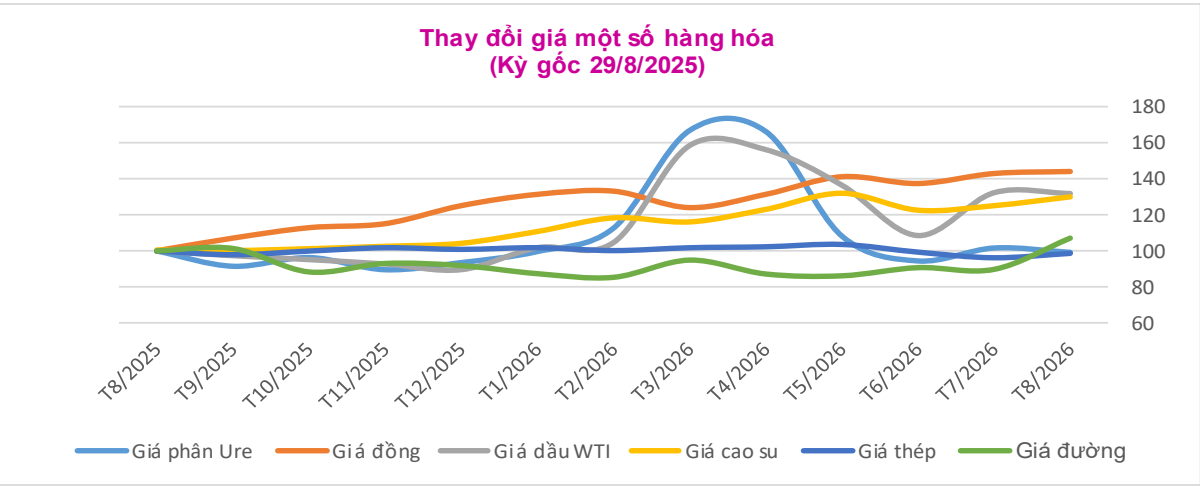
Chỉ tiêu vĩ mô Việt Nam

Chỉ tiêu	05/2026	06/2026	07/2026	Nhận xét
Chỉ số PMI	52.8	51.8	52.9	PMI duy trì tích cực trên 50 điểm, tháng 7 đạt mức cao nhất của năm tháng gần nhất
Sản xuất công nghiệp (YoY)	10.1%	12.7%	14.5%	Duy trì tăng trưởng tích cực và ổn định trong nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 đạt cao nhất sáu tháng
Tổng mức bán lẻ hàng hoá (YoY)	11.8%	14.8%	14.5%	Duy trì tăng trưởng ổn định nhiều tháng liên tiếp; tháng 7 tiếp tục tăng trưởng trên 14%
Kim ngạch xuất khẩu (YoY)	18.0%	28.1%	25.5%	Tiếp tục duy trì tăng trưởng ở mức cao
Kim ngạch nhập khẩu (YoY)	33.8%	45.7%	41.7%	Duy trì tăng trưởng cao; tháng 7 tiếp tục trên 40%, nhưng nhập siêu tháng thứ tám liên tiếp
Tỷ lệ lạm phát (YoY)	5.6%	4.7%	4.5%	Lạm phát vẫn ở mức cao, nhưng tiếp tục có phần hạ nhiệt so với 4 tháng trước đó
Tỷ giá VCB USD/VND (MoM)	0.1%	0.3%	0.09%	Tỷ giá ít biến động nhiều tháng gần đây

Tăng trưởng xuất khẩu một số ngành hàng



Diễn biến giá một số loại hàng hoá



ĐIỂM TIN

TIN NỔI BẬT

Biên bản họp Fed được công bố: Số quan chức ủng hộ tăng lãi suất nhiều hơn 3, nội bộ chia rẽ mạnh: Biên bản họp tháng 7 của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ cho thấy quyết định giữ nguyên mức lãi suất tham chiếu ở ngưỡng 3,5-3,75% đang vấp phải sự chia rẽ sâu sắc trong nội bộ. Dù cuộc bỏ phiếu kết thúc với tỷ lệ 9-3, thực tế có nhiều hơn ba thành viên ủng hộ việc thắt chặt chính sách tiền tệ nhằm kiểm soát lạm phát. Nhiều quan chức cảnh báo rủi ro giá cả neo cao kéo dài, đặc biệt trước nguy cơ căng thẳng tại Iran leo thang. Tuy nhiên, các dữ liệu kinh tế mới nhất như lạm phát lõi thấp và thị trường lao động suy yếu lại đang làm giảm áp lực phải tăng lãi suất lập tức. Ngoài ra, Chủ tịch Fed cũng đề xuất giảm số lần họp hàng năm. (Nguồn: cafe.vn)



TIN QUỐC TẾ

FED và BOJ cùng can thiệp hỗ trợ JPY, điều hành chính sách tiền tệ đứng trước bài toán cân bằng các mục tiêu: Thị trường ngoại hối quốc tế đang chứng kiến biến động mạnh khi Nhật Bản và Mỹ phối hợp can thiệp để hỗ trợ đồng Yên (JPY). Nhật Bản đã tung ra lượng lớn dự trữ ngoại hối, trong khi Bộ Tài chính Mỹ sử dụng các công cụ như FIMA Repo và FX-swap để tránh tác động tiêu cực đến đồng USD. Điều này đặt Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (FED) vào thế khó, vừa phải hỗ trợ thanh khoản vừa kiểm soát lạm phát. Tại Việt Nam, tỷ giá VND/USD chịu sức ép từ chênh lệch lãi suất và chính sách neo lãi suất cao của FED. Do đó, Ngân hàng Nhà nước (NHNN) đang đối mặt với bài toán phức tạp: phải cân bằng giữa việc ổn định tỷ giá, duy trì thanh khoản hệ thống và điều hành lãi suất linh hoạt để hỗ trợ nền kinh tế. (Nguồn: thitruongtaichinhhtiente.vn)

Mỹ dẫn đầu ngược tình thế ở Hormuz: Mỹ đang dần giành lại thế chủ động tại eo biển Hormuz sau chuỗi ngày căng thẳng với Iran. Hơn 80% tàu thuyền qua lại trong hai tuần qua đã chọn tuyến phía nam do Mỹ bảo vệ. Sự thay đổi này chứng tỏ sự tin tưởng vào quân đội Mỹ đang lớn dần, đồng thời làm suy yếu khả năng kiểm soát của Iran. Việc mất quyền chủ động cũng cản trở kế hoạch thu phí của Tehran. Để giảm thiểu tối đa nguy cơ bị tấn công, các nước vùng Vịnh như Arab Saudi hay UAE đã chủ động thuê tàu siêu lớn để vận chuyển dầu mỏ ra khỏi vùng nguy hiểm. Dù vậy, Iran vẫn cứng rắn tuyên bố đóng cửa eo biển nếu Mỹ không chịu thực hiện cam kết. (Nguồn: vnexpress.vn)

TIN THỊ TRƯỜNG

Thị trường chứng khoán Mỹ đang cho thấy diễn biến vô cùng tích cực khi đồng loạt duy trì sắc xanh. Cụ thể, chỉ số Dow Jones ghi nhận mức tăng tốt nhất với 119.65 điểm (+0.22%) và vượt lên mốc 53463.05. Tiếp theo, S&P 500 cũng nhích thêm 16.22 điểm, tương ứng với 0.21%, chốt tại ngưỡng 7707.98. Trong khi đó, chỉ số công nghệ Nasdaq tăng nhẹ 41.38 điểm, đạt mức tăng 0.16% và dừng ở con số 26331.09 điểm. Trái ngược hoàn toàn với áp lực bán tháo và đà sụt giảm sâu ở các thị trường châu Á như Nikkei 225 hay KOSPI, chứng khoán Mỹ phiên này đã thể hiện được sức mạnh nội tại vô cùng vững vàng và đầy lạc quan. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Thị trường dầu mỏ thế giới hôm nay chứng kiến đà tăng giá mạnh mẽ của các mặt hàng chủ chốt. Cụ thể, giá dầu thô WTI đang giao dịch quanh mốc 84 USD đến 86 USD một thùng, trong khi dầu Brent đã vượt qua ngưỡng 90 USD một thùng. Động lực chính thúc đẩy sự khởi sắc này bắt nguồn từ những lo ngại ngày càng gia tăng về khả năng gián đoạn nguồn cung. Những căng thẳng địa chính trị leo thang tại khu vực Trung Đông, đặc biệt là ở eo biển Hormuz, đã khiến giới đầu tư lo lắng. Thêm vào đó, các cuộc đàm phán vẫn chưa mang lại bất kỳ tiến triển đột phá nào. Dù vậy, giá xăng dầu tại thị trường trong nước đang ổn định. (Nguồn: VIX tổng hợp)

Thị trường vàng thế giới chứng kiến diễn biến trái ngược giữa trong nước và quốc tế. Trên thế giới, giá vàng bất tăng mạnh mẽ, vượt mốc 4.500 USD/ounce và hiện giao dịch quanh ngưỡng 4.523 USD/ounce. Nguyên nhân chính xuất phát từ sự suy yếu của đồng USD và lợi suất trái phiếu Mỹ sụt giảm. Trái lại, thị trường trong nước lại ghi nhận cú giảm sâu. Giá vàng miếng SJC bốc hơi 1,6 triệu đồng/lượng, niêm yết phổ biến ở 139,7 triệu đồng/lượng chiều mua và 142,7 triệu đồng/lượng chiều bán. Vàng nhẫn trơn 9999 cũng lùi về khoảng 139,2 - 140 triệu đồng/lượng mua vào, bán ra quanh 142,2 - 144 triệu đồng/lượng. Diễn biến này giúp khoảng cách chênh lệch giá giữa hai thị trường được thu hẹp đáng kể. (Nguồn: VIX tổng hợp)

CHỈ SỐ	ĐIỂM	+/-	+/- (%)
Dow Jones	53463.05	119.65	0.22
S&P 500	7707.98	16.22	0.21
Nasdaq	26331.09	41.38	0.16
FTSE100	10743.35	15.31	0.14
Euro Stoxx 50	6443.00	-25.17	-0.39
DAX	26091.33	-37.03	-0.14
Nikkei 225	66058.00	-1402.73	-2.08
Shanghai	3894.42	-95.88	-2.40
KOSPI	6471.17	-398.66	-5.80

TIN TRONG NƯỚC

Lãi suất ngân hàng hôm nay 20.8: Đồng loạt tăng các kỳ hạn: Theo số liệu từ Ngân hàng Nhà nước, mặt bằng lãi suất tiền gửi bình quân trong tháng 7 đã đồng loạt nhích lên ở hầu hết các kỳ hạn, ngoại trừ kỳ hạn dưới một tháng. Cụ thể, kỳ hạn từ 1 đến dưới 6 tháng ghi nhận mức tăng 0,1 điểm phần trăm, dao động trong khoảng 4,1-4,6%/năm. Các kỳ hạn từ 6 đến 12 tháng cũng tăng 0,2 điểm phần trăm, đạt ngưỡng 6,3-7,8%/năm. Đối với những kỳ hạn trên 24 tháng, mức lãi suất huy động lên tới 7,2-7,9%/năm. Khảo sát thực tế tại hơn 30 ngân hàng cho thấy, Saigonbank đang là đơn vị niêm yết mức lãi suất cao nhất với 7,9%/năm cho kỳ hạn 13 tháng gửi trực tuyến. Một số ngân hàng khác cũng vượt mốc 7%/năm. (Nguồn: laodong.vn)

Nhanh chóng đưa Trung tâm Tài chính quốc tế vào vận hành: Trung tâm Tài chính Quốc tế tại Thành phố Hồ Chí Minh và Đà Nẵng đang bước vào giai đoạn vận hành thực tế sau khi hoàn thiện cơ bản những nền tảng về tổ chức cũng như thể chế. Trọng tâm hiện tại là khẩn trương thu hút các định chế tài chính, đồng thời phát triển những sản phẩm phù hợp nhằm sớm hình thành các giao dịch, qua đó dẫn dắt dòng vốn trung và dài hạn vào nền kinh tế. Phó Thủ tướng Nguyễn Văn Thắng nhấn mạnh cần tập trung xử lý dứt điểm các vướng mắc, bảo đảm Trung tâm hoạt động thực chất và hiệu quả, tránh dàn trải nguồn lực. Bên cạnh đó, việc ưu tiên hoàn thiện quy định về cơ chế kết nối có kiểm soát, chính sách ưu đãi, phát triển hệ thống sản phẩm ưu tiên cùng cơ chế thanh tra, giám sát đồng bộ là những nhiệm vụ trọng tâm. (Nguồn: vneconomy.vn)

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Danh mục theo dõi trung hạn

STT	Mã	Ngành	Chỉ số cơ bản				Chỉ số định giá				Giá thị trường (20/8/26)		
			% LNST	% LNST	Biên lợi	Biên lợi	ROE Chỉ số	ROA Chỉ số	Book Value	EPS		P/B	P/E
			Q1/26 (YoY)	Q2/26 (YoY)	nhuận ròng Q1/26	nhuận ròng Q2/26	(TTM) Năm: 2025 (TTM)	(TTM) Năm: 2026 (TTM)					
1	ACB	Ngân hàng	10.6%	-38.7%	51.1%	33.9%	17.6%	1.7%	18,401	3,042	1.19	7.2	21,950
2	ANV	Thủy sản	915.5%	4610.8%	14.2%	11.9%	31.6%	18.7%	13,226	3,748	1.26	4.5	16,700
3	BFC	Phân bón	14.0%	-29.9%	3.6%	2.8%	19.3%	8.6%	29,657	7,003	1.61	6.8	47,800
4	BID	Ngân hàng	16.7%	45.3%	28.8%	38.2%	18.8%	1.0%	24,726	4,342	1.45	8.3	35,850
5	BMP	VLXD	21.0%	13.2%	22.9%	20.3%	44.0%	37.4%	35,151	15,010	4.09	9.6	143,600
6	BSR	Dầu khí	175.1%	3739.7%	2.6%	8.1%	8.9%	6.0%	12,079	1,036	2.24	26.1	27,000
7	CTD	Xây dựng	217.2%	117.8%	4.0%	2.3%	8.6%	2.5%	90,563	7,540	0.68	8.2	61,500
8	CTG	Ngân hàng	63.9%	12.3%	37.8%	47.4%	21.1%	1.3%	23,129	4,488	1.36	7.0	31,400
9	CTR	Xây dựng	15.5%	8.8%	4.3%	4.1%	30.5%	7.8%	18,086	5,242	4.25	14.7	76,800
10	DCM	Phân bón	171.9%	16.6%	11.0%	10.3%	18.7%	11.7%	20,390	3,706	1.54	8.4	31,300
11	DGW	Bán lẻ	39.2%	10.3%	2.3%	2.0%	16.9%	5.5%	15,690	2,508	2.72	17.0	42,700
12	DHA	Khai thác đá	111.3%	146.3%	32.8%	18.4%	24.0%	21.7%	32,319	7,258	1.57	7.0	50,900
13	FOX	Viễn thông	26.2%	22.8%	18.4%	17.3%	31.2%	13.7%	15,202	4,719	4.22	13.6	64,200
14	FPT	Phần mềm	17.1%	19.5%	16.9%	14.8%	23.6%	11.7%	25,683	6,590	2.72	10.6	69,800
15	GAS	Dầu khí	1.3%	-32.4%	7.3%	3.2%	17.7%	13.0%	28,038	4,796	2.98	17.4	83,500
16	GEG	Điện	267.5%	676.3%	11.9%	16.3%	11.5%	4.6%	15,665	2,282	0.79	5.5	12,450
17	GMD	Dịch vụ	-3.6%	76.4%	27.7%	40.9%	11.7%	8.9%	34,842	5,162	2.21	14.92	77,000
18	HAG	Nông nghiệp	23.1%	345.5%	22.8%	50.7%	18.1%	8.6%	11,191	1,762	1.26	7.97	14,050
19	HDG	Bất động sản	85.0%	482.5%	47.2%	42.2%	9.0%	4.9%	22,644	2,570	0.70	6.13	15,750
20	HHV	Xây dựng	23.3%	58.1%	16.7%	16.7%	5.1%	1.5%	24,481	1,364	0.41	7.28	9,930
21	HPG	Thép	32.8%	38.4%	11.0%	8.4%	12.6%	6.4%	17,096	2,021	1.24	10.46	21,150
22	HT1	Xi măng	278.5%	413.6%	4.6%	4.3%	5.5%	3.5%	13,336	718	0.96	17.83	12,800
23	KBC	Bất động sản	54.8%	2477.5%	23.2%	40.3%	9.1%	3.8%	28,399	2,365	0.95	11.46	27,100
24	KDH	Bất động sản	692.5%	101.7%	47.9%	43.7%	5.2%	3.2%	18,865	1,456	0.91	11.78	17,150
25	LCG	Xây dựng	9.6%	130.2%	7.1%	4.7%	5.7%	2.2%	13,112	723	0.53	9.70	7,010
26	MCH	Thực phẩm	-18.9%	-11.1%	22.6%	22.7%	44.5%	21.6%	17,480	6,336	7.89	21.78	138,000
27	MML	Thực Phẩm	419.5%	79.6%	4.3%	6.3%	11.6%	5.0%	15,282	1,819	1.83	15.39	28,000
28	MSH	Hàng May mặc	54.2%	17.4%	12.2%	14.6%	28.7%	13.3%	19,626	5,962	1.53	5.03	30,000
29	MSN	Thực phẩm	43.4%	48.4%	8.8%	9.9%	9.6%	3.0%	29,647	4,448	2.30	15.31	68,100
30	MSR	Khai khoáng	101.5%	207.9%	0.3%	9.3%	0.1%	0.0%	11,076	10	3.88	4187.80	43,000
31	MWG	Bán lẻ	121.4%	144.9%	4.5%	4.9%	23.0%	9.1%	22,575	4,814	3.22	15.10	72,700
32	NAF	Nước trái cây	55.8%	26.3%	7.0%	7.6%	16.5%	6.7%	11,491	2,140	4.18	22.46	48,050
33	NLG	Bất động sản	679.5%	-62.1%	12.5%	29.6%	4.8%	2.5%	30,559	1,951	0.77	12.02	23,450
34	NT2	Điện	383.5%	641.4%	11.1%	21.9%	25.0%	12.6%	16,880	3,926	1.26	5.41	21,250
35	NTP	VLXD	49.9%	-6.3%	16.0%	10.8%	25.1%	14.8%	24,742	5,805	2.05	8.75	50,800
36	PLX	Dầu khí	441.0%	14.2%	0.8%	0.9%	9.2%	3.2%	22,781	2,305	1.68	16.57	38,200
37	POW	Điện	109.2%	585.3%	12.1%	7.9%	6.5%	2.8%	13,307	1,019	1.01	13.14	13,400
38	PVS	Dầu khí	73.3%	73.5%	3.5%	9.9%	11.8%	5.0%	31,694	3,722	1.17	9.94	37,000
39	QNS	Đường	-28.4%	-2.8%	14.2%	22.4%	18.6%	13.6%	28,956	5,231	1.59	8.79	46,000
40	SBT	Đường	-13.0%	-19.2%	3.7%	2.8%	6.7%	2.2%	13,938	866	1.71	27.48	23,800
41	SHB	Ngân hàng	49.8%	8.3%	40.7%	39.0%	19.1%	1.5%	14,800	2,605	0.78	4.45	11,600
42	SIP	Bất động sản	21.7%	6.3%	17.1%	17.4%	25.3%	5.0%	24,181	6,303	2.04	7.82	49,300
43	STB	Ngân hàng	31.8%	-176.5%	33.0%	-35.8%	10.3%	0.7%	31,756	3,150	2.35	23.65	74,500
44	TCB	Ngân hàng	14.2%	104.1%	46.4%	47.2%	15.4%	2.3%	25,331	3,663	1.22	8.46	31,000
45	TCM	Hàng May mặc	-21.4%	-24.2%	7.1%	5.4%	11.4%	6.7%	21,823	2,419	0.75	6.80	16,450
46	TRC	Cao su	60.4%	-68.8%	49.0%	15.2%	13.1%	11.5%	69,312	8,669	1.19	9.48	82,200
47	VCB	Ngân hàng	5.3%	0.7%	50.0%	45.0%	16.6%	1.6%	27,231	4,213	2.12	13.72	57,800
48	VGI	Hàng May mặc	56.0%	57.7%	7.1%	8.4%	9.1%	4.4%	20,090	2,666	0.57	4.28	11,400
49	VHC	Thủy sản	33.5%	-43.4%	13.1%	9.0%	14.4%	10.6%	44,495	6,465	1.18	8.12	52,500
50	VJC	Hàng không	-43.9%	43618.4%	1.9%	1.7%	10.1%	1.8%	42,005	3,589	2.94	34.38	123,400
51	VNM	Sản phẩm từ sữa	4.5%	31.7%	14.8%	16.6%	26.6%	17.4%	16,499	4,504	3.88	14.21	64,000
52	VPB	Ngân hàng	76.8%	61.1%	36.6%	36.2%	14.6%	2.2%	22,722	3,070	1.10	8.11	24,900
53	VTP	Vận tải	-20.2%	17.3%	1.7%	2.6%	24.1%	5.8%	14,519	3,348	3.80	16.49	55,200

TOÀN CẢNH THỊ TRƯỜNG

Cập nhật giá hàng hoá

Chỉ số	Giá	+/- 15 ngày	+/- 30 ngày	+/- Định 1 tháng	+/- Đáy 1 tháng
BTC	39349.15(+4,911)	+4,573	+5,640	0	+6,917
Giá dầu WTI	84.39(-1)	+1	+12	-8	+13
Giá gas châu Âu	64.07(-0)	+6	+15	-0	+15
Giá vàng	4517.78(+183)	+414	+394	0	+542
Giá đồng	6.49(+0)	+0	+0	-0	+0
Giá đường	17.56(+0)	+3	+2	0	+3
Giá phân Ure	410(+20)	-13	-2	-42	+27
Giá thép	3028(-2)	+37	-51	-103	+75
Giá quặng sắt (62%Fe)	95.17(-0)	-3	-3	-4	+2
Giá than	129.75(0)	-4	-0	-4	+2
Giá đậu tương	1222.25(+22)	+45	+43	-25	+75
Giá ngô	473(+10)	+27	+45	0	+45
Giá nhựa Polyvinyl	4754(+162)	+289	+234	0	+307
Giá cước vận tải khô BDI	2776(-39)	+103	-134	-313	+144
Giá cước vận tải container (Drewry)	4339(0)	+84	-300	-300	+84
DXY	98.85(-1)	-1	-2	-3	0
Giá cao su	224.8(+1)	+11	+7	0	+14
Phốt pho vàng	27812.33(0)	+183	+1,650	-184	+1,650
Ure(Sunsir)	1702.5(-3)	-55	-101	-101	0
H2SO4	1835(0)	-258	-278	-278	0
HRC(Sunsir)	3300(+14)	+32	-4	-42	+80
Iron Ore (Sunsir)	706.56(+7)	+7	-10	-20	+27
Cao su thiên nhiên (Sunsir)	17241.67(+142)	+850	+417	0	+850
PVC(Sunsir)	4509(-6)	+134	+94	-76	+134
Rebar	3039(-37)	-1	-61	-61	+37
Cautic soda	639(0)	-4	-4	-4	0

Khuyến cáo sử dụng

Báo cáo phân tích được lập và phát hành bởi Công ty cổ phần Chứng khoán VIX ("VIX"). Báo cáo này không nhằm phát hành rộng rãi ra công chúng và chỉ mang tính chất cung cấp thông tin cho một số đối tượng nhất định, cũng như không được phép sao chép hoặc phân phối lại cho bất kỳ bên thứ ba nào khác. Tất cả những cá nhân, tổ chức nắm giữ báo cáo này đều phải tuân thủ những điều trên.

Báo cáo này không phải là một lời kêu gọi, đề nghị, mời chào mua hoặc bán bất kỳ mã chứng khoán nào. Các thông tin trong báo cáo nghiên cứu được chuẩn bị từ các thông tin công bố công khai, dữ liệu phát triển nội bộ và các nguồn khác được cho là đáng tin cậy, nhưng chưa được kiểm chứng độc lập bởi VIX và VIX sẽ không đại diện hoặc đảm bảo đối với tính chính xác, đúng đắn và đầy đủ của những thông tin này.

Toàn bộ những đánh giá, quan điểm và khuyến nghị đưa ra trong báo cáo có thể được thay đổi mà không báo trước. VIX không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi hoặc bổ sung bản báo cáo cũng như không có nghĩa vụ thông báo cho tổ chức, cá nhân nhận được bản báo cáo này trong trường hợp các đánh giá, quan điểm hay khuyến nghị được đưa ra có sự thay đổi hoặc trở nên không còn chính xác.

Các mã chứng khoán trong bản báo cáo có thể không phù hợp với tất cả các nhà đầu tư, và nội dung của bản báo cáo không đề cập đến các nhu cầu đầu tư, mục tiêu và điều kiện tài chính của bất kỳ nhà đầu tư cụ thể nào. Trước khi thực hiện đầu tư bất kỳ mã chứng khoán nào nêu trong báo cáo này, nhà đầu tư nên liên hệ với những chuyên gia tư vấn đầu tư của họ để thảo luận về trường hợp cụ thể của mình.